

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2019
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy

Ông Đinh Văn Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Anh **Lê Viết H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Lê Viết H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L vào ngày 22/8/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được, cho đến thời điểm hiện tại anh H vẫn không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng nên hai vợ chồng đã sống ly thân được

hơn một năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau do mục đích hôn nhân không đạt được và không mang lại hạnh phúc cho nhau, nếu tiếp tục kéo dài chỉ làm mệt mỏi cho cả hai nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết H.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và cháu Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Viết H trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi đi lao động ở nước Nga về thì anh có đi lái taxi và chơi tiền bitcoin nhưng bị thua lỗ nên vợ chồng tranh cãi với nhau. Đồng thời, khi còn chung sống với bố mẹ anh thì giữa mẹ anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, mặc dù anh có nói chuyện để tháo gỡ nhưng vẫn không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng cũng như mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu không được cải thiện nên đến tháng 12/2018 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sống và sau đó anh cũng xuống Sài Gòn để làm ăn và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh thỉnh thoảng có liên lạc với chị T nhưng chị T lại chặn số điện thoại cũng như mạng xã hội không muốn liên lạc với anh nên không thể cải thiện được tình cảm vợ chồng. Vì vậy việc chị T làm đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị T và anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm lo cho các con. Tuy nhiên, nếu chị T vẫn cương quyết muốn ly hôn với anh thì anh cũng chấp nhận giải quyết theo yêu cầu của chị T. Về con chung anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012, khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi một con chung và giao một con chung cho chị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh H xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh H không xuất trình tài liệu chứng cứ nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, về con chung, chị yêu cầu được nuôi cả hai con là Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012, không yêu cầu anh Lê Viết H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh H không muốn ly hôn nhưng nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T; về con chung anh H yêu cầu được nuôi một con chung và giao một con chung cho chị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị T, xử cho chị T và anh H được ly hôn. Về con chung: Giao cả hai cháu là Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và cháu Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012, cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị T và anh Lê Viết H kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Việc kết hôn của chị T và anh H tuân theo các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 và đảm bảo thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị T làm đơn ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng lại không đồng nhất trong việc ổn định cuộc sống để phát triển kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau và còn xảy ra xô sát. Hơn nữa, trong cách cư xử giữa các thành viên trong gia đình không được hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn, anh H không có hành động cụ thể gắn kết mối quan hệ giữa mẹ và vợ mà lại bỏ đi làm ăn xa để mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu ngày càng căng thẳng hơn. Đồng thời, do cả hai đều cố chấp nên không tìm được biện pháp cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng và đã tự sống ly thân hơn một năm nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị Trịnh Thị T và anh Lê Viết H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng chị T và anh H có 02 con chung là cháu Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và cháu Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải

cấp dưỡng nuôi con. Còn anh H yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung và giao một con chung cho chị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì cả hai con chung được chị T và bố mẹ anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu H đã trên 07 tuổi, cháu Y bước sang 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T nay có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh H đi làm ăn xa, tại phiên tòa anh H trình bày sẽ giao con nhờ ông bà nội chăm sóc cho thuận tiện vì bố mẹ anh đang làm bảo vệ tại trường học. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về nơi ăn ở, việc học tập và sinh hoạt cũng như đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc tốt nhất cho các cháu, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cả hai cháu Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và cháu Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Trường hợp sau này anh H ổn định công việc, chỗ ở và có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ được xem xét, giải quyết sau. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh H đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì sẽ thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Chị T và anh H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị T, xử cho chị Trịnh Thị T và anh Lê Viết H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con là Lê Viết Trọng H – sinh ngày 27/7/2006 và cháu Lê Trịnh Như Y – sinh ngày 10/11/2012 cho chị Trịnh Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Lê Viết H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trịnh Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001078 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã T;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy